TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 15/8/2025
V/v: Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Thanh**

Ông **Nguyễn Anh Dũng**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Chiêm Hải Ân -** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phan Văn V,** sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ hiện nay: ấp MTh, xã HC, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp MTh, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

- *Bị đơn:*

1/ Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: ấp TL, xã HĐ, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp TL, xã TPg, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

2/ Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ hiện nay: 216H, tổ 12, khu 2, xã CB, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: 216H, tổ 12, khu 2, thị trấn CB, huyện CB-Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Văn V trình bày:*

Do là bạn bè quen biết nhau, nên vào ngày 20/12/2023, anh có cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H vay số tiền 120.000.000đồng. Việc vay tiền hai bên có làm hợp đồng vay tiền, số tiền 120.000.000đồng được làm thành hai hợp đồng, trong đó anh S là người đứng tên bên vay tiền 01 hợp đồng số tiền 60.000.000đồng và chị H đứng tên bên vay tiền 01 hợp đồng số tiền 60.000.000đồng. Bên dưới của hai hợp đồng vay tiền anh S, chị H đều có ký tên và lăn tay vào bên vay tiền. Tuy làm hai hợp đồng nhưng khi giao tiền thì anh giao chung cho anh S, chị H cùng nhận 120.000.000đồng. Lãi suất vay 20%/năm, hạn vay là 20 ngày, ngày trả nợ là 09/01/2024.

Sau khi vay tiền anh S, chị H chỉ trả cho anh được 2.000.000đồng tiền lãi, tiền vốn không trả, mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh S, chị H cứ né tránh, không trả.

Nay anh khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H liên đới trả cho anh số tiền vốn vay là 120.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 20/12/2023 cho đến ngày xét xử là 19 tháng, theo mức lãi suất thỏa thuận 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 37.848.000đồng, trừ 2.000.000đồng đã nhận, tiền lãi còn lại là 35.848.000đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 155.848.000đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên anh S và chị H không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S, chị H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản".

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn V:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền vốn vay 120.000.000đồng, xét thấy:

Anh Phan Văn V yêu cầu anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H liên đới trả số tiền vốn vay 120.000.000đồng mà anh đã cho anh S, chị H vay vào ngày

20/12/2023. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh V cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2023, bên dưới có chữ ký ghi họ tên, dấu vân tay của anh S và chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2023 thể hiện bà anh S, chị H có vay của anh V số tiền 120.000.000đồng, lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn trả nợ vay vào ngày 09/01/2024.

Bị đơn anh S và chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và chứng cứ do anh V giao nộp cho Tòa án là hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2023 nhưng anh S, chị H không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của anh V và chứng cứ do anh V giao nộp, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ có thật phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 20/12/2023, anh S, chị H có vay của anh V số tiền 120.000.000đồng, hạn trả là vào ngày 09/01/2024. Đến nay số nợ trên đã quá hạn nhưng anh S, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của nên vay, do đó anh V yêu cầu anh S, chị H trả số tiền vay 120.000.000đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Anh Vt yêu cầu tính lãi từ ngày vay 20/12/2023 cho đến ngày xét xử là 19 tháng, theo mức lãi suất thỏa thuận 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 37.848.000đồng, trừ 2.000.000đồng đã nhận, tiền lãi còn lại là 35.848.000đồng.

Xét tại hợp đồng vay tiền ngày 20/12/2023 anh V và anh S, chị Hằng thỏa thuận lãi suất 20%/năm. Xét thỏa thuận lãi vay này là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó anh V yêu cầu tính lãi từ ngày vay 20/12/2023 cho đến ngày xét xử là 19 tháng, theo mức lãi suất thỏa thuận 20%/năm (1,66%/tháng), thành tiền là 37.848.000đồng, trừ 2.000.000đồng đã nhận, tiền lãi còn lại là 35.848.000đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn V.

1. Buộc anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phan Văn V số tiền 155.848.000đồng

Kể từ ngày anh Phan Văn Việt có yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H phải chịu 7.792.400đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Phan Văn V 3.350.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002848 ngày 07/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4-Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Nhơn